



PROFILE

**VIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
SUPER TRƯỜNG PHÁT**



MỤC LỤC

01	GIỚI THIỆU VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN SUPER TRƯỜNG PHÁT	04
	• Tầm nhìn, sứ mệnh • Cơ cấu bộ máy • Nguồn lực nhân sự • Chức năng nhiệm vụ	
02	NĂNG LỰC VIỆN	12
	• Lĩnh vực hoạt động • Giới thiệu nhà máy • Trang thiết bị • Chiến lược phát triển • Giải pháp dịch vụ • Đối tác chiến lược	
03	CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU	20
04	CÁC GIẤY TỜ PHÁP LÝ	28
	• Đăng ký kinh doanh và nhãn hiệu • Văn bản chứng nhận sản phẩm • Phiếu kết quả thử nghiệm sản phẩm • Văn bản tiêu chuẩn cơ sở	
05	HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	38
	• Hoạt động Teambuilding • Hoạt động thiện nguyện	

GIỚI THIỆU

VIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN SUPER TRƯỜNG PHÁT

Viện Công nghệ Nuôi trồng thủy sản Super Trường Phát được thành lập vào ngày 09/11/2022 với tầm nhìn đóng góp tích cực cho diện mạo mới nghề nuôi trồng thủy sản của Việt Nam.

• Tên tổ chức khoa học và công nghệ: _____

VIỆN CÔNG NGHỆ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN SUPER TRƯỜNG PHÁT

• Tên viết bằng tiếng anh: _____

SUPER TRUONG PHAT INSTITUTE OF AQUACULTURE TECHNOLOGY

• Cơ quan quản lý trực tiếp: _____

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT

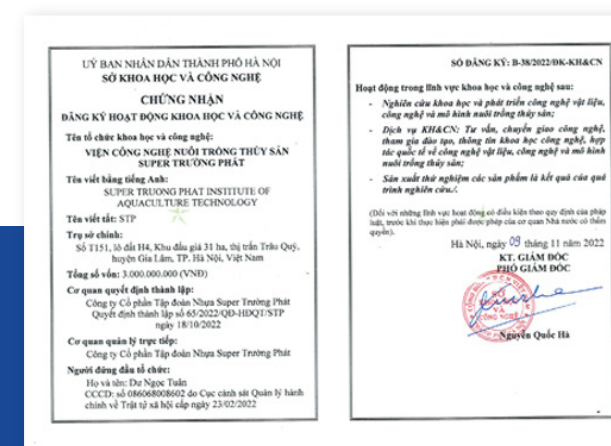
• Quyết định thành lập số: _____

65/2022/QĐ-HĐQT/STP ngày 18/10/2022

• Trụ sở chính: _____

**SỐ T151, LÔ ĐẤT H4, KHU ĐẤU GIÁ 31HA, THỊ TRẤN TRÂU QUỲ,
HUYỆN GIA LÂM, TP.HÀ NỘI**

VIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
SUPER TRƯỜNG PHÁT





TẦM NHÌN



Đến năm 2030 Trở thành một trong những Viện nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao và phát triển Công nghệ nuôi trồng thủy sản ... có đóng góp tích cực cho diện mạo mới nghề nuôi trồng thủy sản của Việt Nam.

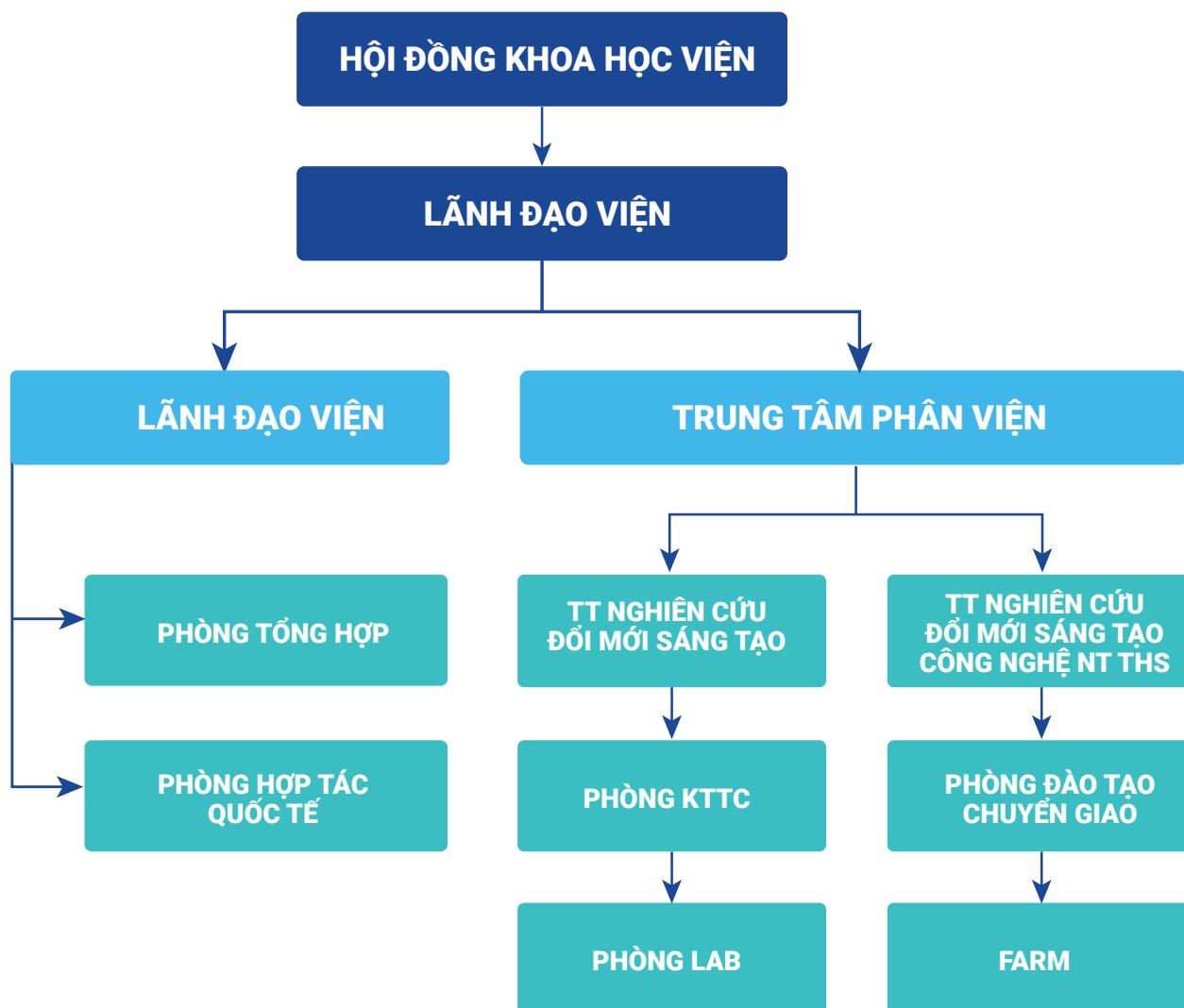


SỨ MỆNH



Nghiên cứu phát triển các công nghệ nuôi trồng thủy sản bền vững hiệu quả đặc biệt an toàn với môi trường cho ngành thủy sản NTTS tại Việt Nam.

CƠ CẤU BỘ MÁY



NGUỒN LỰC NHÂN SỰ

01 DƯ NGỌC TUÂN Thạc sĩ NTTS	04 LÊ THỊ KIỀU ANH Thạc sĩ Du lịch	07 NGUYỄN HẢI HÀ Cử nhân QTKD
02 PHẠM TÔ MINH HÙNG Cử nhân Kinh tế NN	05 NGUYỄN VĂN HẢI Kỹ sư Kỹ thuật công trình	08 ĐINH VĂN ĐẰN Tiến sĩ Kinh tế
03 NGUYỄN GIANG NAM Tiến sĩ Kỹ thuật hóa học	06 HỒ THỊ ANH THY Kỹ sư Công nghệ vật liệu	09 BÙI ĐỨC ANH Kỹ sư Công nghệ vật liệu

Cùng hơn

30+ NHÂN SỰ
thuộc các phòng ban trong
viện nghiên cứu nghiên cứu
Super Trường Phát



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

CỦA VIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
SUPER TRƯỜNG PHÁT



01

ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN:

liên kết đào tạo cấp chứng chỉ, xây dựng cho nguồn nhân lực Ngành NTTS tại Việt Nam;

02

CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ & TƯ VẤN :

ngiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vật liệu HDPE, công nghệ và giải pháp nuôi trồng thủy sản;

03

DỊCH VỤ KH&CN:

tư vấn, chuyển giao công nghệ, thông tin khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế về công nghệ vật liệu, công nghệ và mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững hiệu quả;

04

THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ GIÁM SÁT

cho các dự án NTTS công nghiệp;

05

NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

các sản phẩm phụ tùng nhựa, và đưa giải pháp mới vào ứng dụng thực tiễn.



NĂNG LỰC VIỆN

TRỤ SỞ CHÍNH:

Số T151, Lô đất H4, Khu đấu giá 31ha, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Tp.Hà Nội

Diện tích: hơn 500m2

Văn phòng Công ty được chia thành các không gian:

- Sảnh lễ tân,
- Phòng Chủ tịch,
- Phòng Tổng Giám đốc,
- Hai phòng họp lớn & nhỏ được lắp đặt các trang thiết bị, đặc biệt viện Cung cấp trang thiết bị cho đội ngũ cán bộ

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Viện nuôi trồng thủy sản Supper Trường Phát thuộc Tập đoàn STP Group tập đoàn đa ngành hoạt động trong nhiều lĩnh vực với:



STP INFRA:

Sản xuất và cung ứng các sản phẩm cho hạ tầng xây dựng, nông nghiệp tưới tiêu, truyền tải hút cát, phòng cháy chữa cháy.



STP AQUATECH:

Thương mại trong lĩnh vực hạ tầng thủy hải sản từ vật liệu HDPE, Composite mang tính bền vững, thân thiện môi trường.



STP SHIPYARD:

Ứng dụng công nghệ đóng tàu tiên tiến và sử dụng cốt lõi các vật liệu bền vững từ HDPE, Composite.



STP TRAVEL:

Gắn du lịch biển cùng nông nghiệp và đặc sản địa phương,



STP INVEST:

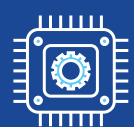
đầu tư và kêu gọi các Quỹ đầu tư vào các dự án ESG trong lĩnh vực Thủy hải sản

GIỚI THIỆU 3 NHÀ MÁY

Viện nuôi trồng thủy sản STP nằm trong hệ sinh thái của STP Group với 3 nhà máy lớn tại Việt Nam cùng hệ thống phòng Lab trang bị hiện đại phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển các giải pháp cho ngành NTTS.



STT	Hạng mục	Nhà máy Thái Bình	Nhà máy Hưng Yên	Nhà máy Quảng Ngãi
1	Giới thiệu nền tảng của nhà máy	7 năm kinh nghiệm	12 năm kinh nghiệm	10 năm kinh nghiệm
2	Diện tích (m2)	11.000	50.000	18.000
3	Sản phẩm	1. Sản xuất phụ kiện HDPE phục vụ cho Hạ Tầng và Thủy Hải Sản 2. Sản xuất Phao	Sản xuất ống nhựa HDPE phục vụ cho ngành hàng Hạ Tầng & hạ tầng của ngành Thủy Hải sản	1.Sản xuất ống nhựa HDPE 2. Đóng mới, hoán cải và sửa chữa phục hồi phương tiện tàu thuyền nội địa.
4	Máy móc, phương tiện và thiết bị	04 máy thổi phao 05 máy ép phụ tùng	06 dây chuyền HDPE	03 dây chuyền đùn ống HDPE. Các máy móc phục vụ công tác sửa chữa, đóng tàu
5	Năng lực sản xuất	4,900 tấn/năm	43,500 tấn ống HDPE/năm	13,500 tấn ống HDPE/năm 30 canô nhỏ (dưới 14m) và 6 tàu lớn (14-40m)
6	Nguồn lực nhân sự	Dưới 50 người	Dưới 100 người	Dưới 50 người
7	Quy trình và dây chuyền sản xuất	TCCS 01:2023/STPGroup, QĐCDP08:2020/QN	ISO 14001:2015 ISO 14001:2015 QCVN 16:2023/BXD (Ống) QCVN 16:2023/BXD (Phụ Tùng) ISO 4427-2:2019; QCVN 12 -1:2011/BYT; DIN 8074:2011-12 & Din 8075:2011-12; TCVN 7305-2:2008	2018 QCVN 73: 2013/BGTVT QCVN 56: 2013/BGTVT ISO9001:2015; QCVN16:2023/BXD; TCVN7035; DIN8074; DIN8075



HỆ THỐNG PHÒNG LAD

với trang thiết bị hiện đại phục vụ cho nghiên cứu, thử nghiệm & test vật liệu cho các đề tài, giải pháp NTTS bền vững.

VỚI HỆ THỐNG MÁY MÓC TRANG THIẾT BỊ:

- Hệ thống thử áp lực thủy tĩnh
- Máy đo độ giãn dài vật liệu HDPE
- Máy test độ va đập ống
- Máy đo chất lượng nhựa MI
- Máy đo độ uốn cong
- Máy thổi áp lực khí
- Máy test áp lực



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Quy tụ các giáo sư, thạc sĩ, kỹ sư chuyên ngành trong các lĩnh vực NTTS, kinh tế, công nghệ vật liệu cùng hợp tác. Nghiên cứu, bảo tồn, chuyển giao và đưa các ứng dụng tiến bộ của Khoa học và công nghệ để phát triển ngành NTTS tại Việt Nam.

Thu hút nguồn vốn từ trong nước và nước ngoài để nhân bản nguồn lực, phát triển, nâng cấp về khoa học công nghệ NTTS.

Xây dựng đội ngũ chuyên gia, các phòng lad với máy móc thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các công nghệ, giải pháp NTTS hiện đại, tiết kiệm sức lao động, đặc biệt hiệu, quả bền vững an toàn với môi trường.

Liên kết, hợp tác cùng các viện, phân viện, đại học trong việc đào tạo, phát triển các giáo trình đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng công nghệ để phát triển nguồn nhân lực trong tương lai.



DỊCH VỤ & GIẢI PHÁP

- Dịch vụ về thử nghiệm, test vật liệu theo QC TCVN
- Đào tạo nguồn lực cho ngành NTTS cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn.
- Thiết kế, thi công, giám sát các giải pháp NTTS cho các dự án, cá nhân theo từng mục đích, mục tiêu, cá thể nuôi.
- Chuyển giao các công nghệ nuôi, giải pháp NTTS theo tiêu chuẩn Na Uy

CÁC ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

ĐỐI TÁC DOANH NGHIỆP



ĐỐI TÁC LIÊN KẾT



ĐỐI TÁC CUNG ỨNG



ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

GIẢM PHÁT THẢI NHỰA ĐẠI DƯƠNG

(Tên đầy đủ: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn giảm phát thải nhựa Đại dương trong nuôi trồng thủy sản trên biển từ hiệu quả sử dụng vật liệu HDPE bền vững) do Bộ TNMT chủ trì, Viện Công nghệ NTTS STP phối hợp triển khai.

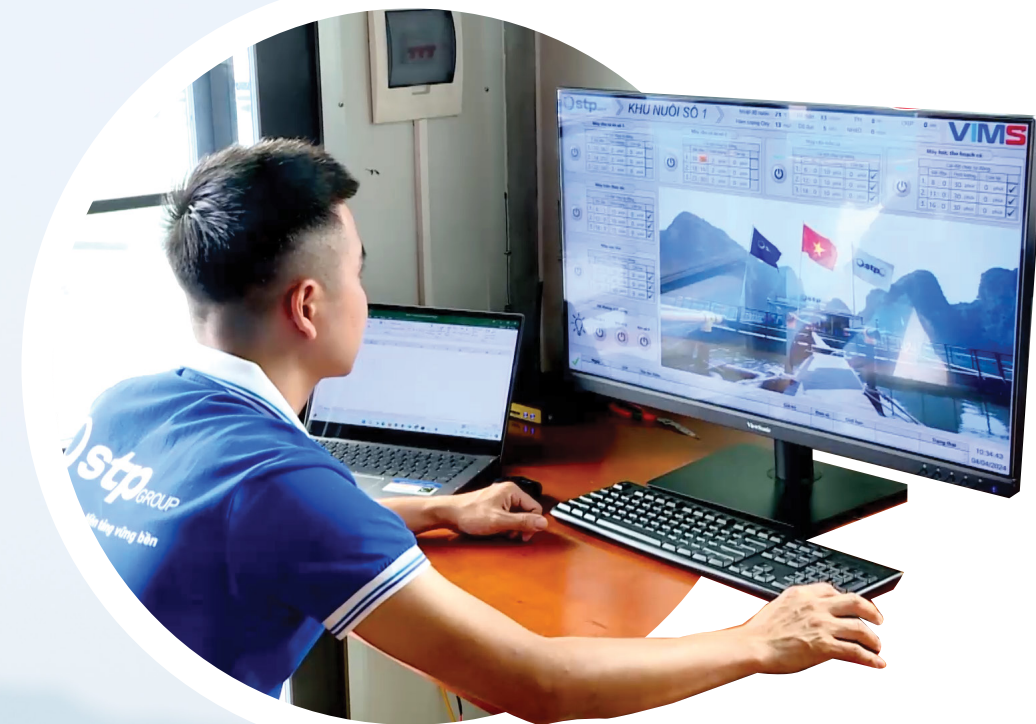
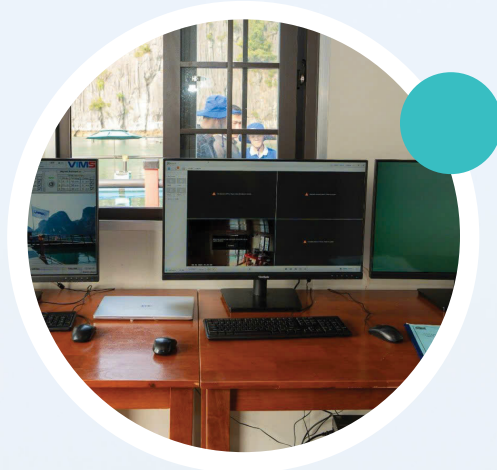
Trong đó, Viện Công nghệ NTTS STP đóng vai trò:

GIẢM PHÁT THẢI NHỰA ĐẠI DƯƠNG

- ✓ Cung cấp vật liệu thực nghiệm cho đề tài bao gồm các hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản từ vật liệu HDPE bền vững bao gồm: Lồng HDPE cho nuôi cá, phao HDPE cho nuôi nhuyễn thể, hệ nâng nổi HDPE cho nhà tiền chế...
- ✓ Nghiên cứu, thiết kế, sản xuất các sản phẩm phục vụ cho nuôi trồng thủy sản từ vật liệu bền vững HDPE phù hợp với đặc tính ngư nghiệp của Việt Nam và theo định hướng của đề tài.
- ✓ Cung cấp các mô hình nuôi trồng thủy sản bằng vật liệu HDPE mang lại hiệu quả cao.



DỰ ÁN NUÔI BIỂN CÔNG NGHỆ CAO



MỤC TIÊU DỰ ÁN:

Nghiên cứu và thử nghiệm các công nghệ phù hợp với nuôi trồng thủy sản bằng vật liệu bền vững HDPE, và phù hợp với tập quán nuôi thủy hải sản của Việt Nam. Hướng tới đào tạo phổ cập các mô hình nuôi biển công nghệ cao cho ngư hộ chuyển đổi nuôi trồng thủy sản với vật liệu nổi HDPE.

- Địa điểm nghiên cứu: Nhà máy Hưng Yên và Trụ sở STP Group
- Địa điểm thực nghiệm: Đảo Phất Cờ, Vân Đồn, Quảng Ninh

THÔNG TIN DỰ ÁN:

Sản phẩm đầu ra: Nghiên cứu và thử nghiệm các mô hình, công nghệ phù hợp nuôi đa tầng với các loài nuôi: cá hồng mỹ, cá chim vây vàng, cá giò, rong sụn, các loài nhuyễn thể theo quy mô công nghiệp.
Thời gian thực hiện: 10 năm.
Số lượng nhân sự: 8 người

DỰ ÁN

CHUỖI LIÊN KẾT NUÔI TRỒNG RONG SỤN

Xây dựng và trực tiếp vận hành trang trại nuôi trồng rong sụn, Viện Công nghệ NTTS STP triển khai dự án với mục tiêu:

Kết hợp với các doanh nghiệp và người dân địa phương xây dựng chuỗi liên kết rong sụn khép kín. Nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai và nhân rộng mô hình nuôi xen canh hàu & rong sụn theo hướng đa giá trị, góp phần tái tạo môi trường biển, và góp phần phát triển kinh tế cho người dân và địa phương.

THÔNG TIN DỰ ÁN:

Địa điểm thử nghiệm: Trang trại nuôi biển và trải nghiệm STP, đảo Phất Cờ, Xã Hạ Long, Vân Đồn, Quảng Ninh.

Sản phẩm đầu ra: rong sụn tươi, rong sụn khô, rong sụn giống

Công suất thực hiện: 5,206 tấn rong sụn khô/ năm.

Thời gian hoạt động: 50 năm trong đó 30 năm cấp lần đầu và xin gia hạn 20 năm trong trường hợp dự án hoạt động hiệu quả theo quy định của Luật đất đai



HÌNH ẢNH KÝ KẾT ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



Lễ ký kết hợp tác giữa Trung tâm Khuyến nông Quốc gia Việt nam và STP Group (16/09/2022).



Lễ ký kết hợp tác giữa Viện Kinh tế Việt Nam và STP Group.



Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 và STP Group (19/10/2023).



Lễ ký kết hợp tác giữa Đại học Khoa học Ứng dụng Ostfalia và STP Group (04/03/2023).



Lễ ký kết hợp tác giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam và STP Group (11/10/2023).

HÌNH ẢNH KÝ KẾT ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



BOD làm việc với đối tác Nauy về nuôi biển công nghệ cao



BOD làm việc và thăm quan hội chợ NTTS tại Đài Loan

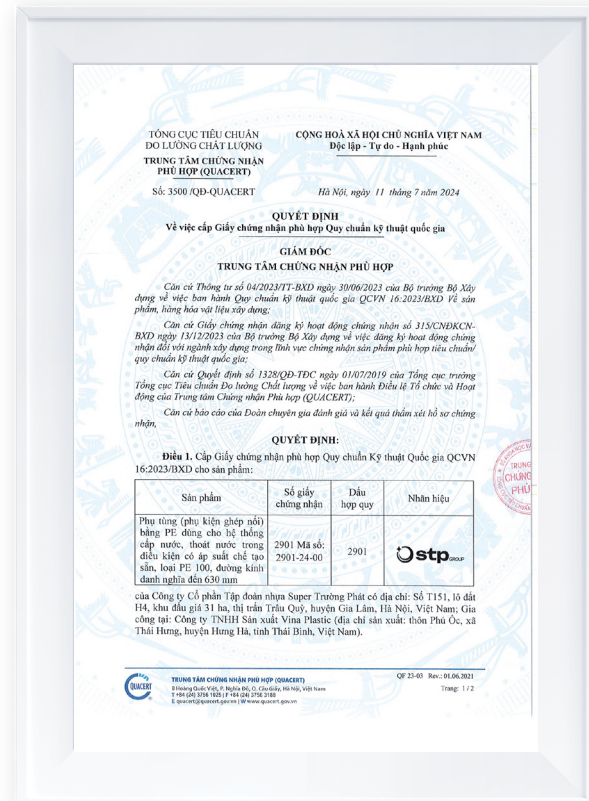
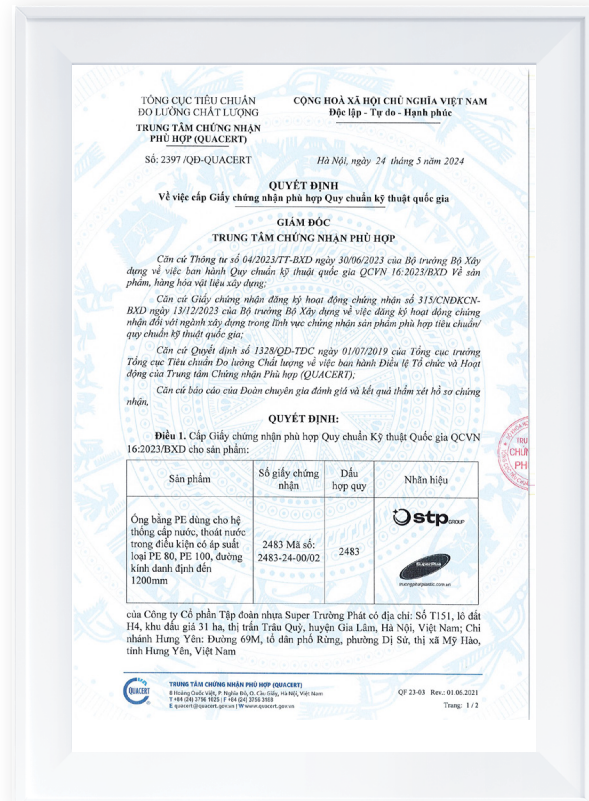
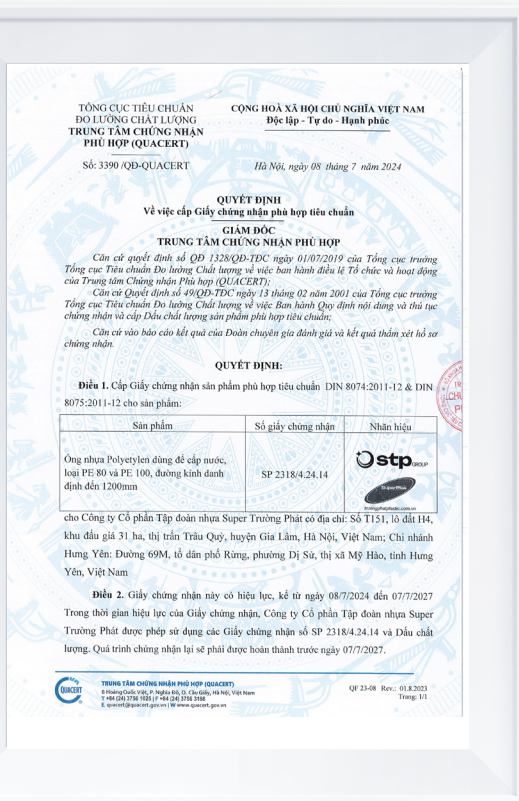
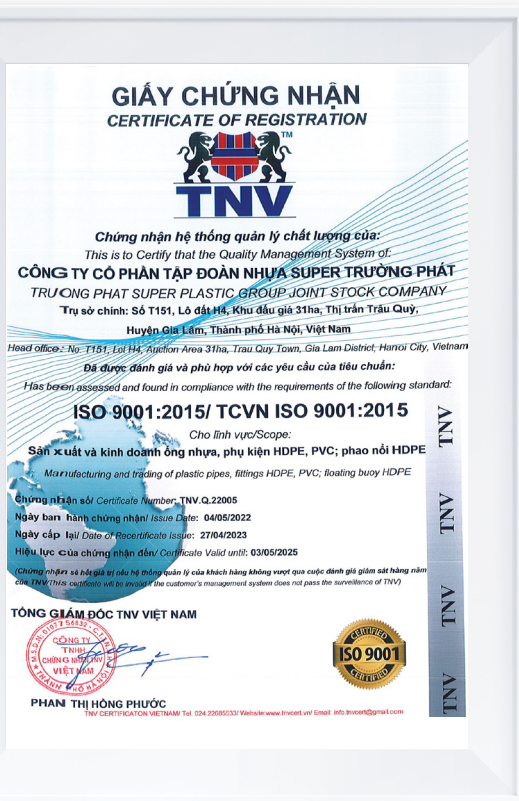
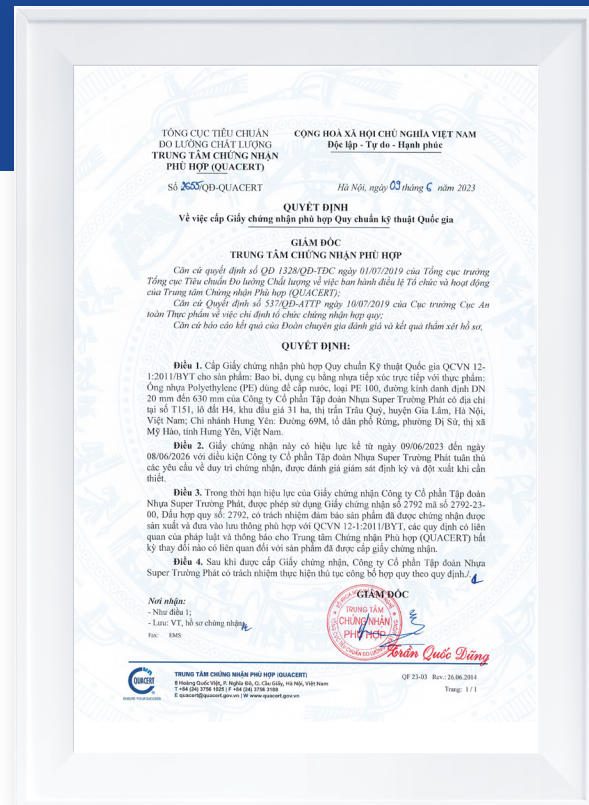
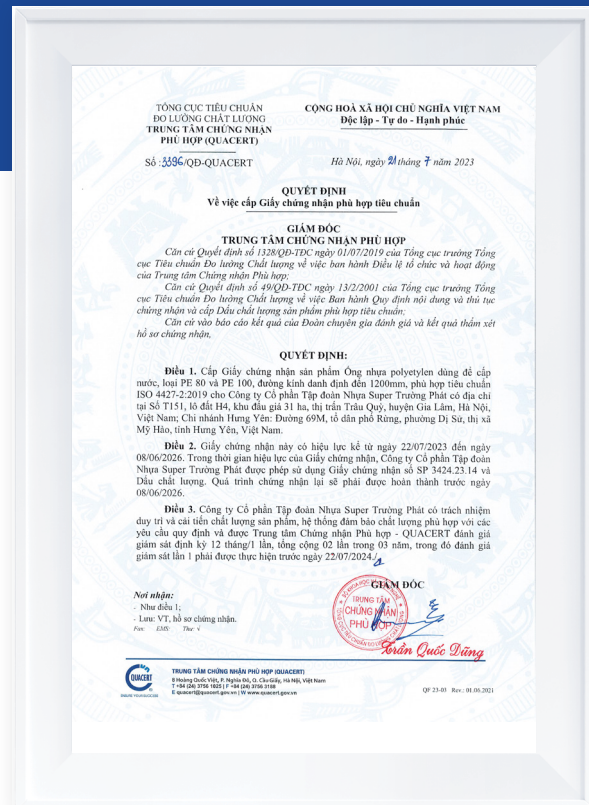
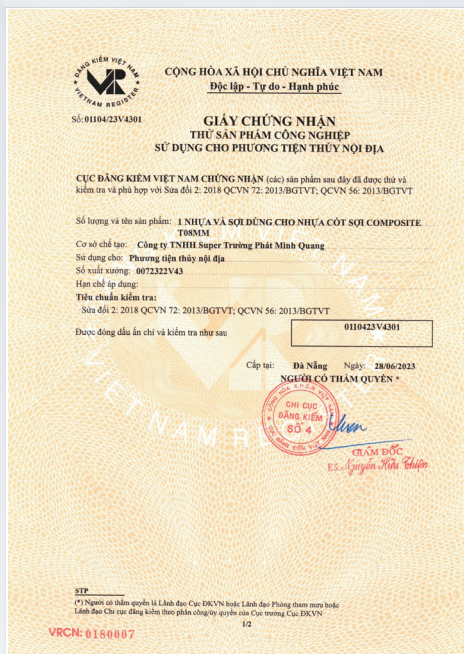
CÁC GIẤY TỜ PHÁP LÝ



Quatest1

30

VĂN BẢN CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM

 VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS - MINISTRY OF CONSTRUCTION VILAS 003 - TRUNG TÂM THIẾT BỊ, MÔI TRƯỜNG & AN TOÀN LAO ĐỘNG VIAS003 - CENTRE FOR EQUIPMENT, ENVIRONMENT & LABOUR SAFETY Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Điện thoại (Tel): (+84) 43.858.2217; Fax: (+84) 43.858.1112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: dienlithietbi@vibm.vn					
 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): 433.0_VLXD-TBMT 					
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỐI HỢP (QUACERT) 2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT 3. Loại mẫu (Kind of sample): Ống nhựa HDPE PE100 DN90x3mm - PN8 4. Kế hoạch mẫu (Code of sample): 23.22588, 23.22589, 23.22590, 23.22591, 23.22592, 23.22593 - Các nguyên tố nằm trong 5. Số lượng (Quantity): 01 6. Số phiếu Trung tâm (Con.No): 46-24/TBMT 7. Ngày nhận mẫu (Date of received): 02/04/2024					
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST RESULT)					
TT (No.)	Tính chất (Characteristic)	Mức yêu cầu (Requirement) QCVN 16:2023/BXD	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)	Đánh giá (Evaluation)
1	Độ bền áp suất thủy tĩnh 100h (Resistance to hydrostatic pressure in 100h) - Nhiệt độ thử (Test temperature): 20°C - Ứng suất vòng (Ring stress): 12.4 MPa - Áp suất thử (Test pressure): 12.4 bar ¹	Không phá hỏng (No failure)	Không phá hỏng (No failure)	TCVN 6149-1:2007 (ISO 1167-1:2006) TCVN 6149-2:2007 (ISO 1167-2:2006)	Đạt (pass)
2	Độ bền áp suất thủy tĩnh 165h (Resistance to hydrostatic pressure in 165h) - Nhiệt độ thử (Test temperature): 80°C - Ứng suất vòng (Ring stress): 5.4 MPa - Áp suất thử (Test pressure): 5.4 bar ¹	Không phá hỏng (No failure)	Không phá hỏng (No failure)	TCVN 6149-1:2007 (ISO 1167-1:2006) TCVN 6149-2:2007 (ISO 1167-2:2006)	Đạt (pass)
Ghi chú (Notes): 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng gửi thử (Test results are valid for the manually submitted samples only). 2. Các chỉ tiêu và phương pháp thử được theo theo yêu cầu của khách hàng (Characteristics and methods were tested according to client's request). 3. Mẫu do khách hàng cung cấp (Vật liệu và dụng cụ) (The sample and equipment were supplied by the customer). 4. Không được sao chép hoặc tái sản xuất mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Viện Vật Liệu Xây Dựng (This test report may be reproduced except in full).					
Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024 Viện Vật Liệu Xây Dựng VIBM PHÓ VIỆN TRƯỞNG Nguyễn Văn Huyền					Cán bộ kiểm tra (Checked by): Lê Cao Chiến VILAS 003 - TT, TB, MT&ATLD CEELS Nguyễn Thị Tâm

 TỔNG CỤC THỬ CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS - MINISTRY OF CONSTRUCTION Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Điện thoại (Tel): (+84) 43.858.2217; Fax: (+84) 43.858.1112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: dienlithietbi@vibm.vn				
Số No: 24/TBMT/433.0_VLXD-TBMT				
Trang 1/1				
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT				
1. Tên mẫu thử: Ống HDPE D110 PN10				
2. Khách hàng: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nhựa Super Trường Phát				
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu				
4. Ngày nhận mẫu: 23/09/2024				
5. Tình trạng mẫu: 01 đoạn ống nhựa dài 0,5 mét				
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 24/09/2024 đến ngày 26/09/2024				
7. Ngày hoàn thành: 26/09/2024				
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Độ giãn dài khi đứt	%	TCVN 7434: 2004	721
				
Hà Nội, ngày 26/09/2024 TRƯỞNG PHÒNG TIÊU DÙNG Phạm Thủy Hằng PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Ngọc Chiến				
1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng gửi thử. 2. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng gửi thử. 3. Các chỉ tiêu và phương pháp thử được theo theo yêu cầu của khách hàng. 4. Không được sao chép hoặc tái sản xuất mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Viện Vật Liệu Xây Dựng. 5. Mẫu do khách hàng cung cấp (Vật liệu và dụng cụ) (The sample and equipment were supplied by the customer). 6. Không được sao chép hoặc tái sản xuất mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Viện Vật Liệu Xây Dựng. 7. Ngày nhận mẫu: 23/09/2024				

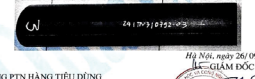
 VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS - MINISTRY OF CONSTRUCTION VILAS 003 - TRUNG TÂM THIẾT BỊ, MÔI TRƯỜNG & AN TOÀN LAO ĐỘNG VIAS003 - CENTRE FOR EQUIPMENT, ENVIRONMENT & LABOUR SAFETY Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Điện thoại (Tel): (+84) 43.858.2217; Fax: (+84) 43.858.1112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: dienlithietbi@vibm.vn					
 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): 433.0_VLXD-TBMT 					
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỐI HỢP (QUACERT) 2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT 3. Loại mẫu (Kind of sample): Ống nhựa HDPE PE100 DN250x14.8mm - PN10 4. Kế hoạch mẫu (Code of sample): 23.22600, 23.22601, 23.22602, 23.22603, 23.22605 - Các nguyên tố nằm trong 5. Số lượng (Quantity): 01 6. Số phiếu Trung tâm (Con.No): 46-24/TBMT 7. Ngày nhận mẫu (Date of received): 02/04/2024					
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST RESULT)					
TT (No.)	Tính chất (Characteristic)	Mức yêu cầu (Requirement) QCVN 16:2023/BXD	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)	Đánh giá (Evaluation)
1	Độ bền áp suất thủy tĩnh 100h (Resistance to hydrostatic pressure in 100h) - Nhiệt độ thử (Test temperature): 20°C - Ứng suất vòng (Ring stress): 12.4 MPa - Áp suất thử (Test pressure): 12.4 bar ¹	Không phá hỏng (No failure)	Không phá hỏng (No failure)	TCVN 6149-1:2007 (ISO 1167-1:2006) TCVN 6149-2:2007 (ISO 1167-2:2006)	Đạt (pass)
2	Độ bền áp suất thủy tĩnh 165h (Resistance to hydrostatic pressure in 165h) - Nhiệt độ thử (Test temperature): 80°C - Ứng suất vòng (Ring stress): 5.4 MPa - Áp suất thử (Test pressure): 5.4 bar ¹	Không phá hỏng (No failure)	Không phá hỏng (No failure)	TCVN 6149-1:2007 (ISO 1167-1:2006) TCVN 6149-2:2007 (ISO 1167-2:2006)	Đạt (pass)
Ghi chú (Notes): 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng gửi thử (Test results are valid for the manually submitted samples only). 2. Các chỉ tiêu và phương pháp thử được theo theo yêu cầu của khách hàng (Characteristics and methods were tested according to client's request). 3. Mẫu do khách hàng cung cấp (Vật liệu và dụng cụ) (The sample and equipment were supplied by the customer). 4. Không được sao chép hoặc tái sản xuất mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Viện Vật Liệu Xây Dựng (This test report may be reproduced except in full).					
Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024 Viện Vật Liệu Xây Dựng VIBM PHÓ VIỆN TRƯỞNG Nguyễn Văn Huyền					Cán bộ kiểm tra (Checked by): Lê Cao Chiến VILAS 003 - TT, TB, MT&ATLD CEELS Nguyễn Thị Tâm

 VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS - MINISTRY OF CONSTRUCTION VILAS 003 - TRUNG TÂM THIẾT BỊ, MÔI TRƯỜNG & AN TOÀN LAO ĐỘNG VIAS003 - CENTRE FOR EQUIPMENT, ENVIRONMENT & LABOUR SAFETY Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Điện thoại (Tel): (+84) 43.858.2217; Fax: (+84) 43.858.1112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: dienlithietbi@vibm.vn					
 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): 433.0_VLXD-TBMT 					
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỐI HỢP (QUACERT) 2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT 3. Loại mẫu (Kind of sample): Ống nhựa HDPE PE100 DN110x3.2mm - PN12.5 4. Kế hoạch mẫu (Code of sample): 23.22608 - Các nguyên tố nằm trong 5. Số lượng (Quantity): 01 6. Số phiếu Trung tâm (Con.No): 46-24/TBMT 7. Ngày nhận mẫu (Date of received): 02/04/2024					
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST RESULT)					
TT (No.)	Tính chất (Characteristic)	Mức yêu cầu (Requirement) QCVN 16:2023/BXD	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)	Đánh giá (Evaluation)
1	Độ bền áp suất thủy tĩnh 100h (Resistance to hydrostatic pressure in 100h) - Nhiệt độ thử (Test temperature): 20°C - Ứng suất vòng (Ring stress): 12.4 MPa - Áp suất thử (Test pressure): 12.4 bar ¹	Không phá hỏng (No failure)	Không phá hỏng (No failure)	TCVN 6149-1:2007 (ISO 1167-1:2006) TCVN 6149-2:2007 (ISO 1167-2:2006)	Đạt (pass)
2	Độ bền áp suất thủy tĩnh 165h (Resistance to hydrostatic pressure in 165h) - Nhiệt độ thử (Test temperature): 80°C - Ứng suất vòng (Ring stress): 5.4 MPa - Áp suất thử (Test pressure): 5.4 bar ¹	Không phá hỏng (No failure)	Không phá hỏng (No failure)	TCVN 6149-1:2007 (ISO 1167-1:2006) TCVN 6149-2:2007 (ISO 1167-2:2006)	Đạt (pass)
Ghi chú (Notes): 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng gửi thử (Test results are valid for the manually submitted samples only). 2. Các chỉ tiêu và phương pháp thử được theo theo yêu cầu của khách hàng (Characteristics and methods were tested according to client's request). 3. Mẫu do khách hàng cung cấp (Vật liệu và dụng cụ) (The sample and equipment were supplied by the customer). 4. Không được sao chép hoặc tái sản xuất mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Viện Vật Liệu Xây Dựng (This test report may be reproduced except in full).					
Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024 Viện Vật Liệu Xây Dựng VIBM PHÓ VIỆN TRƯỞNG Nguyễn Văn Huyền					Cán bộ kiểm tra (Checked by): Lê Cao Chiến VILAS 003 - TT, TB, MT&ATLD CEELS Nguyễn Thị Tâm

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
Số: 01/04/23/V4301	
GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG CÔNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA	
CỤC ĐĂNG KÝ KIỂM NGHIỆM SẢN PHẨM (Nằm) sản phẩm sản xuất đã được thử nghiệm và phù hợp với Sản phẩm 2.018 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 56: 2013/BGTVT	
Số lượng và tên sản phẩm: 1 NHỰA VÀ SỢI DẪN CHO NHỰA CỐT SỢI COMPOSITE TB80M	
Cơ sở chỉ đạo: Công ty TNHH Super Trường Phát Minh Quang	
Sử dụng cho: Phương tiện thủy nội địa	
Số xuất xưởng: 0072322V43	
Hạn chế áp dụng:	
Tiêu chuẩn kiểm tra:	
Số đo 2: 2018 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 56: 2013/BGTVT	
Được đóng dấu chỉ và kiểm tra theo sau	
Cấp tại: Đà Nẵng Ngày: 28/06/2023 NGUYỄN CỎ THẠNH QUYNH	
CHỖ CHỮ ĐĂNG KÝ KIỂM NGHIỆM PHÓ GIÁM ĐỐC B.S. Nguyễn Văn Huyền	
STP (*) Người chỉ đạo kiểm tra là Chủ tịch Hội đồng Kiểm tra và Phân tích mẫu theo quy định của pháp luật về pháp chế quyền của Cơ quan Cảnh sát Quốc gia	
VRCN: 0160007	

 VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS - MINISTRY OF CONSTRUCTION VILAS 003 - TRUNG TÂM THIẾT BỊ, MÔI TRƯỜNG & AN TOÀN LAO ĐỘNG VIAS003 - CENTRE FOR EQUIPMENT, ENVIRONMENT & LABOUR SAFETY Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Điện thoại (Tel): (+84) 43.858.2217; Fax: (+84) 43.858.1112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: dienlithietbi@vibm.vn						
 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): 2294_VLXD-TBMT 						
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỐI HỢP (QUACERT) 2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT 3. Loại mẫu (Kind of sample): Ống nhựa HDPE PE100 DN50x3.2mm - PN12.5 4. Kế hoạch mẫu (Code of sample): 23.22608 - Các nguyên tố nằm trong 5. Số lượng (Quantity): 01 6. Số phiếu Trung tâm (Con.No): 46-24/TBMT 7. Ngày nhận mẫu (Date of received): 02/04/2024						
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST RESULT)						
TT (No.)	Tính chất (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Mức yêu cầu (Requirement) DIN 8747:2011-12, DIN 8747:2011-12, TCVN 7385-2:2008	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)	Đánh giá (Evaluation)
1	Đường kính ngoài trung bình, d _o (Mean outside diameter)	mm	50.0 ± 0.3	50.2		Đạt (pass)
2	Độ dày (Thickness)	mm	≤ 1.4	0.65		Đạt (pass)
3	Chênh lệch thành trọng bình, e _w (Mean wall thickness)	mm		4.73	DIN 8747:2011-12	Đạt (pass)
4	Chênh lệch thành trọng nhỏ, e _{min} (Minimum wall thickness)	mm	4.6 ± 0.2	4.70		Đạt (pass)
5	Chênh lệch thành trọng lớn, e _{max} (Maximum wall thickness)	mm		4.76		Đạt (pass)
6	Khối lượng riêng (Specific weight)	kg/m ³	≥ 900	952.1	DIN EN ISO 1183-1: 2004	Đạt (pass)
7	Khối lượng chất bay hơi (Volatiles content)	mg/kg	≤ 350	35.4	BS EN 12099:1997	Đạt (pass)
8	Khối lượng nước (Water Content)	mg/kg	≤ 300	37.8	ISO 15512:2008	Đạt (pass)
9	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc (Longitudinal reversion)	%	Tối đa + 20	12.6	DIN EN ISO 1133-1	Đạt (pass)
10	Thời gian cảm ứng oxy hóa, COT (Oxidation induction time)	Phút	≥ 20	> 60	ISO 11357-6	Đạt (pass)
Ghi chú (Notes): 1. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 2. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 3. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 4. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 5. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 6. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 7. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 8. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 9. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 10. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003						

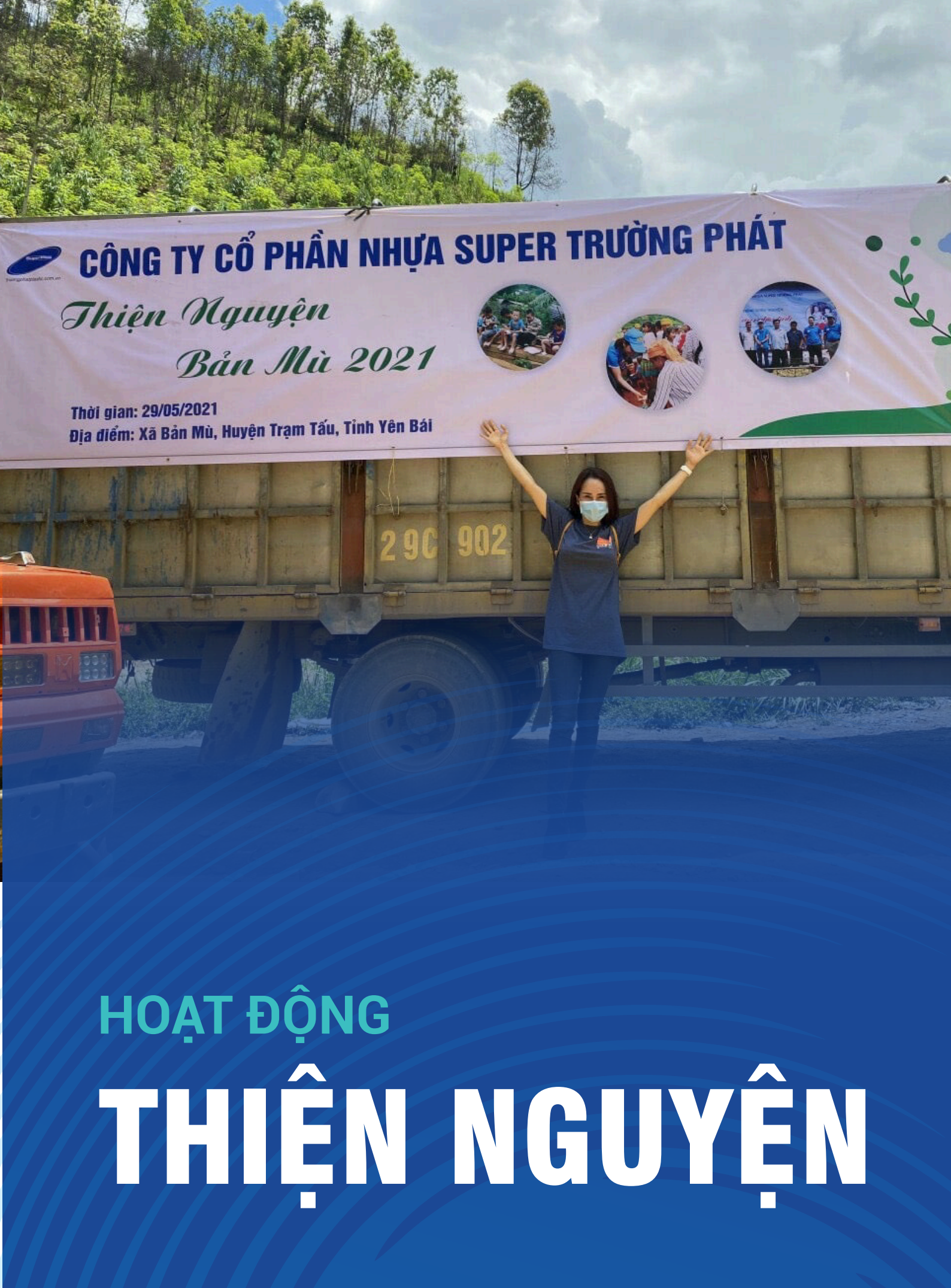
 VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS - MINISTRY OF CONSTRUCTION VILAS 003 - TRUNG TÂM THIẾT BỊ, MÔI TRƯỜNG & AN TOÀN LAO ĐỘNG VIAS003 - CENTRE FOR EQUIPMENT, ENVIRONMENT & LABOUR SAFETY Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Điện thoại (Tel): (+84) 43.858.2217; Fax: (+84) 43.858.1112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: dienlithietbi@vibm.vn						
 KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): 2294_VLXD-TBMT 						
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỐI HỢP (QUACERT) 2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA SUPER TRƯỜNG PHÁT 3. Loại mẫu (Kind of sample): Ống nhựa HDPE PE100 DN50x3.2mm - PN12.5 4. Kế hoạch mẫu (Code of sample): 23.22608 - Các nguyên tố nằm trong 5. Số lượng (Quantity): 01 6. Số phiếu Trung tâm (Con.No): 46-24/TBMT 7. Ngày nhận mẫu (Date of received): 02/04/2024						
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST RESULT)						
TT (No.)	Tính chất (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Mức yêu cầu (Requirement) ISO 4472:2019	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)	Đánh giá (Evaluation)
1	Khối lượng riêng (Specific weight)	kg/m ³	≥ 910	944.2	ISO 1183-1: 2004	Đạt (pass)
2	Hàm lượng nước (Water Content)	mg/kg	≤ 300	37.8	ISO 15512:2008	Đạt (pass)
3	Hàm lượng chất bay hơi (Volatiles content)	mg/kg	≤ 350	35.4	BS EN 12099:1997	Đạt (pass)
4	Độ giãn dài khi đứt (Tensile strain at break)	%	≥ 350	389.8	ISO 6259-1:1997	Đạt (pass)
5	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc (Longitudinal reversion)	%	≤ 3	1.0	ISO 2565:2005	Đạt (pass)
6	Thời gian cảm ứng oxy hóa, COT (Oxidation induction time)	Phút	≥ 20	> 60	ISO 11357-6:2008	Đạt (pass)
7	Sự thay đổi chỉ số độ chảy MFR của ống (Change of MFR of pipe)	%	Tối đa + 20	2.0	ISO 1133:2005	Đạt (pass)
8	Chỉ số chảy MFR của hạt nhựa sử dụng được cấp bởi khách hàng (Melt flow rate of material supplied by customer)	%	Tối đa + 20	2.0	Điêu kiện T	Đạt (pass)
9	Nhân định thành phần chất dẻo (Identification of Plastic Components)	-	PE	PE ¹	ASTM E1252-98	Đạt (pass)
Ghi chú (Notes): 1. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 2. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 3. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 4. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 5. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 6. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 7. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 8. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003 9. Các chỉ tiêu (*) không thuộc VILAS 003						

 TỔNG CỤC THỬ CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS - MINISTRY OF CONSTRUCTION Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Điện thoại (Tel): (+84) 43.858.2217; Fax: (+84) 43.858.1112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: dienlithietbi@vibm.vn				
Số No: 24/TBMT/433.0_VLXD-TBMT				
Trang 1/1				
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT				
1. Tên mẫu thử: Ống HDPE D110 PN10 (Mẫu 3)				
2. Khách hàng: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nhựa Super Trường Phát				
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu				
4. Ngày nhận mẫu: 23/09/2024				
5. Tình trạng mẫu: 01 đoạn ống nhựa dài 0,5 mét				
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 24/09/2024 đến ngày 26/09/2024				
7. Ngày hoàn thành: 26/09/2024				
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Độ giãn dài khi đứt	%	TCVN 7434: 2004	719
				
Hà Nội, ngày 26/09/2024 TRƯỞNG PHÒNG TIÊU DÙNG Phạm Thủy Hằng PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Ngọc Chiến				
1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng gửi thử. 2. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng gửi thử. 3. Các chỉ tiêu và phương pháp thử được theo theo yêu cầu của khách hàng. 4. Không được sao chép hoặc tái sản xuất mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Viện Vật Liệu Xây Dựng. 5. Mẫu do khách hàng cung cấp (Vật liệu và dụng cụ) (The sample and equipment were supplied by the customer). 6. Không được sao chép hoặc tái sản xuất mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Viện Vật Liệu Xây Dựng. 7. Ngày nhận mẫu: 23/09/2024				



HOẠT ĐỘNG TEAMBUILDING





HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN





VIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN SUPER TRƯỜNG PHÁT

Hotline: 1900 0246

Địa chỉ: Số T151, Lô H4, 31ha, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Tp. Hà Nội

Trân trọng cảm ơn!
